

Bản tin Phân tích kỹ thuật

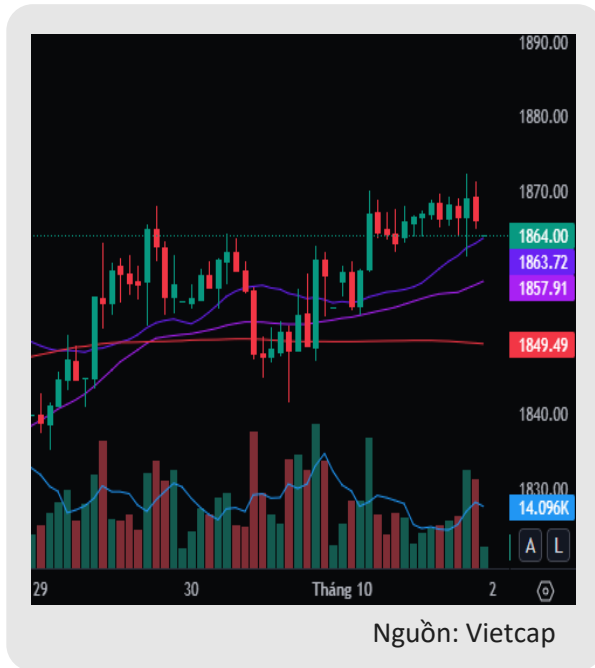
01/10/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111FA000 tiếp tục hoạt động giằng co nhưng tín hiệu tăng giá vẫn giữ được đến cuối ngày nhờ đóng cửa trên các đường MA20 và MA50. (M15)
- Vị thế mua được ưu tiên quanh vùng giá hiện tại 1.864 điểm, dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.856 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua (L): 1.864 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.885 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.856 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Trung tính	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Tiêu cực	Tích cực
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Tiêu cực	Tích cực

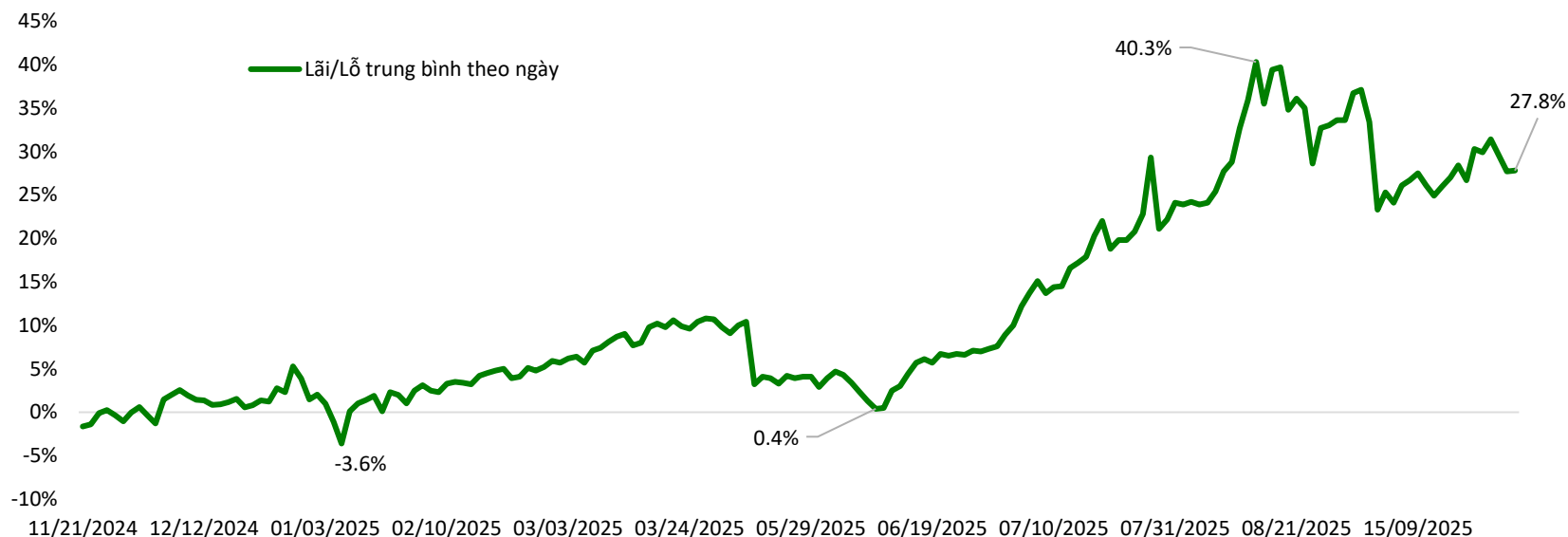


Nguồn: Vietcap

- VN-Index giữ dao động đi ngang trong biên độ 1.655-1.675 (+/-5) điểm. Khối lượng giao dịch giảm trong phiên 01/10 cho thấy hoạt động giằng co giữa hai bên mua và bán được tiết chế. Trong ngắn hạn, tín hiệu trên chỉ số VN30 nâng lên mức Tích cực bởi đà tăng bắt đầu ổn định, VN-Index vẫn giữ mức Trung tính, các chỉ số VNMidcap, VNSmallcap và HNX-Index có tín hiệu Tiêu cực.
- Nhóm Ngân hàng đã bắt đầu tăng giá trên nhiều cổ phiếu quanh điểm tựa hỗ trợ trung hạn. Bên cạnh đó, nhóm Chứng khoán cũng ghi nhận sự cải thiện tín hiệu trên một vài cổ phiếu trong ngành, chưa xuất hiện ở diện rộng. Về hoạt động giao dịch, áp lực bán thuyên giảm trên các nhóm ngành chiếm tỷ trọng vốn hóa cao và lực mua trong ngày có cải thiện ở nhóm Ngân hàng.
- Chỉ số VN-Index đã vận động đi ngang trong năm phiên gần đây trong biên độ 1.655-1.675 (+/-5) điểm nên nhiều khả năng chỉ số sẽ tiếp tục diễn biến tương tự trong ngày mai. Tuy nhiên, dựa trên tín hiệu cải thiện lên mức Tích cực ở chỉ số VN30, chúng tôi gia tăng xác suất cho hoạt động tăng giá ở VN-Index trong thời gian tới về vùng 1.680-1.700 điểm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
CEO	09/07/2025		Đang mở	25,700	17,930	43.3%	23,000	31,000	24,000	31,000
HDG	08/08/2025		Đang mở	32,150	27,500	16.9%	25,800	33,000	30,000	37,000
HPG	25/09/2025		Đang mở	28,300	29,050	-2.6%	27,600			



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	170,000	-2.80%	14.09%	655,013	-3.681	3,487	4.6	48.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	101,200	-1.75%	3.27%	415,670	-1.457	6,984	2.0	14.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
STB	59,800	5.10%	4.91%	112,736	1.152	6,148	1.9	9.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	38,550	1.85%	1.99%	273,175	1.013	3,018	1.7	12.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	51,000	3.03%	7.48%	152,351	0.926	3,324	3.7	15.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	62,100	3.50%	0.16%	129,786	0.911	4,101	4.1	15.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	51,500	1.38%	1.98%	276,555	0.764	5,608	1.7	9.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VCB	62,400	0.65%	-0.48%	521,394	0.675	4,148	2.4	15.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VRE	33,150	3.27%	14.31%	75,327	0.494	1,937	1.7	17.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MBB	26,400	0.76%	-1.49%	212,652	0.326	3,046	1.7	8.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	30,900	-0.64%	-2.22%	245,158	-0.316	2,193	1.7	14.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ACB	25,800	1.18%	-0.77%	132,526	0.313	3,305	1.5	7.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VIX	37,000	2.49%	-0.27%	56,663	0.283	1,391	3.2	26.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TPB	19,300	2.39%	-1.78%	50,990	0.244	2,423	1.3	8.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	28,300	0.53%	-2.58%	217,216	0.232	1,750	1.8	16.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	87,000	-1.47%	1.52%	78,281	-0.078	725	16.1	120.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	154,600	-0.90%	6.62%	30,920	-0.019	7,830	7.7	19.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DNP	19,100	-9.05%	-1.55%	2,692	-0.016	451	1.3	42.3	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
IDC	39,100	1.56%	-2.25%	14,838	0.016	3,977	2.6	9.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	34,500	0.88%	5.50%	22,725	0.013	1,502	3.1	23.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PVI	69,000	-1.21%	3.76%	16,163	-0.013	4,086	1.9	16.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DTK	12,300	-1.60%	2.50%	8,671	-0.009	1,131	1.0	11.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
NVB	14,500	0.69%	-3.33%	17,032	0.008	-5,056	2.6	-2.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CEO	25,700	0.78%	-4.81%	14,583	0.008	354	2.4	72.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IPA	21,100	2.43%	0.48%	4,512	0.007	1,729	1.0	12.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
IDP	192,000	12.94%	12.94%	11,866	0.124	7,038	3.7	27.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	68,400	0.59%	-2.98%	208,264	0.099	1,913	5.6	35.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	55,600	-0.54%	-3.97%	199,371	-0.086	2,751	3.1	20.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	54,000	1.50%	1.50%	62,911	0.076	1,312	4.8	39.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CC1	30,100	-5.94%	-9.88%	11,967	-0.057	577	2.9	52.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
PAP	26,000	7.88%	1.17%	6,026	0.038	-1,137	2.7	-22.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	23,700	1.72%	7.24%	25,807	0.036	-707	2.2	-33.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TBD	140,000	9.38%	9.38%	4,506	0.034	6,051	6.7	23.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MCH	128,800	-0.31%	-0.54%	136,108	-0.034	9,006	8.1	14.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCR	40,000	-4.08%	-8.88%	8,400	-0.028	-103	5.3	-388.9	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tích cực

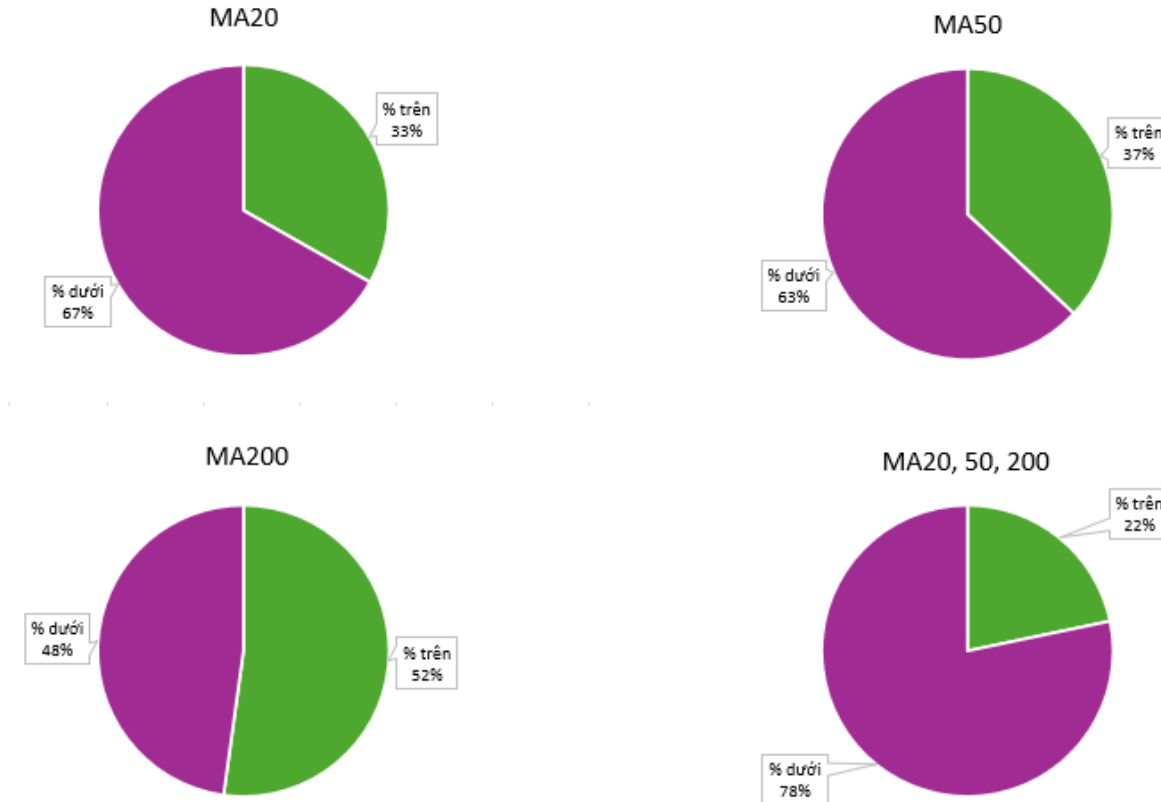
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
LPB	51,000	3.0%	200.9	153.7	24,963	49,500	3.7	15.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
STB	59,800	5.1%	1082.7	630.2	31,950	57,800	1.9	9.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
VRE	33,150	3.3%	388.9	189.2	16,100	32,100	1.7	17.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính	
TNI	6,420	7.0%	8.0	3.3	1,780	6,000	0.7	-16.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
SGR	22,900	-4.0%	69.5	14.4	23,850	43,800	1.1	8.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	

KLGD ĐỘT BIẾN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
SGR	22,900	-4.0%	69.5	14.4	23,850	43,800	1.1	8.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			01/10/2025	30/09/2025	29/09/2025	26/09/2025	25/09/2025	24/09/2025	23/09/2025	22/09/2025	19/09/2025	18/09/2025	17/09/2025	16/09/2025	15/09/2025	12/09/2025	11/09/2025	10/09/2025
VNINDEX	MA200	Trên	64%	63%	65%	66%	67%	67%	65%	66%	68%	68%	69%	70%	69%	67%	65%	65%
		Dưới	36%	37%	35%	34%	33%	33%	35%	34%	32%	32%	31%	30%	31%	33%	35%	35%
	MA50	Trên	41%	40%	46%	50%	51%	50%	47%	48%	54%	55%	59%	61%	64%	56%	52%	50%
		Dưới	59%	60%	54%	50%	49%	50%	53%	52%	46%	45%	41%	39%	36%	44%	48%	50%
	MA20	Trên	28%	27%	33%	38%	43%	38%	35%	35%	45%	45%	49%	52%	55%	40%	34%	29%
		Dưới	72%	73%	67%	62%	57%	62%	65%	65%	55%	55%	51%	48%	45%	60%	66%	71%
VN30	MA200	Trên	77%	77%	77%	80%	80%	77%	77%	80%	83%	83%	83%	83%	87%	80%	80%	80%
		Dưới	23%	23%	23%	20%	20%	23%	23%	20%	17%	17%	17%	17%	13%	20%	20%	20%
	MA50	Trên	60%	50%	57%	60%	63%	67%	60%	57%	67%	77%	80%	80%	77%	73%	73%	70%
		Dưới	40%	50%	43%	40%	37%	33%	40%	43%	33%	23%	20%	20%	23%	27%	27%	30%
	MA20	Trên	27%	27%	17%	13%	17%	20%	20%	10%	30%	47%	53%	63%	60%	47%	43%	33%
		Dưới	73%	73%	83%	87%	83%	80%	80%	90%	70%	53%	47%	37%	40%	53%	57%	67%
HNX	MA200	Trên	56%	57%	57%	57%	59%	59%	59%	59%	60%	61%	62%	62%	62%	59%	59%	58%
		Dưới	44%	43%	43%	43%	41%	41%	41%	41%	40%	39%	38%	38%	38%	41%	41%	42%
	MA50	Trên	37%	40%	40%	42%	47%	43%	42%	44%	49%	51%	51%	52%	56%	53%	50%	49%
		Dưới	63%	60%	60%	58%	53%	57%	58%	56%	51%	49%	49%	48%	44%	47%	50%	51%
	MA20	Trên	56%	57%	57%	57%	59%	59%	59%	59%	60%	61%	62%	62%	62%	59%	59%	58%
		Dưới	44%	43%	43%	43%	41%	41%	41%	41%	40%	39%	38%	38%	38%	41%	41%	42%
UPCOM	MA200	Trên	34%	34%	35%	36%	34%	32%	31%	32%	36%	34%	35%	36%	38%	35%	30%	30%
		Dưới	66%	66%	65%	64%	66%	68%	69%	68%	64%	66%	65%	64%	62%	65%	70%	70%
	MA50	Trên	36%	36%	34%	34%	33%	34%	32%	34%	36%	36%	37%	38%	39%	39%	36%	38%
		Dưới	64%	64%	66%	66%	67%	66%	68%	66%	64%	64%	63%	62%	61%	61%	64%	62%
	MA20	Trên	45%	46%	45%	46%	46%	46%	45%	46%	47%	46%	46%	47%	48%	46%	46%	47%
		Dưới	55%	54%	55%	54%	54%	54%	55%	54%	53%	54%	54%	53%	52%	54%	54%	53%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành	17	Tháng 10								Tháng 9												
		01 ↓	30	29	26	25	24	23	22	19	18	17	16	15	12	11	10	09	08	05	04	
↗	1	Bất động sản	64	68	69	72	70	67	65	63	63	64	67	72	71	73	72	73	75	78	84	85
↗	2	Y tế	63	63	66	67	70	67	62	60	60	61	62	64	62	56	54	49	50	51	49	47
↗	3	Xây dựng và Vật liệu	62	66	70	75	74	67	61	60	55	55	56	65	62	57	55	55	57	63	68	69
	4	Bảo hiểm	59	54	52	50	44	43	44	47	50	53	56	58	59	67	65	64	70	75	80	81
	5	Ngân hàng	58	58	57	63	64	61	54	54	67	70	72	74	73	76	77	76	77	78	87	89
	6	Tài nguyên Cơ bản	58	64	68	71	73	72	69	69	69	70	72	73	71	66	65	66	67	66	72	70
	7	Thực phẩm và đồ uống...	55	52	52	59	60	59	56	58	60	62	65	67	63	61	59	58	59	61	68	68
	8	Dịch vụ tài chính	50	48	48	60	61	57	51	54	60	62	64	65	67	68	69	70	70	72	82	84
↘	9	Điện, nước & xăng dầu...	50	50	52	55	56	54	57	56	57	55	56	57	50	52	48	49	50	53	56	53
↘	10	Du lịch và Giải trí	47	45	43	44	44	44	46	46	51	45	48	47	49	45	45	48	45	43	46	46
↘	11	Hàng & Dịch vụ Công...	43	45	43	52	51	48	47	48	49	49	50	53	53	50	50	50	52	55	58	58
↘	12	Bán lẻ	42	40	43	51	55	51	47	54	50	55	59	58	54	47	45	45	45	48	52	53
↘	13	Ô tô và phụ tùng	39	40	42	48	49	47	45	46	50	51	52	57	52	51	47	49	49	52	57	57
↘	14	Hóa chất	38	40	43	48	49	44	43	42	43	46	48	52	48	42	38	38	39	43	48	47
!	15	Dầu khí	35	44	48	51	49	46	43	42	46	53	56	52	51	55	51	50	48	57	65	63
↘	16	Công nghệ Thông tin	30	35	36	46	52	50	51	54	58	61	58	50	44	40	35	39	44	48	52	54
↘	17	Hàng cá nhân & Gia ...	28	32	35	40	41	45	47	57	55	56	60	64	56	48	46	47	48	51	60	55

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	170,000	-2.8%	14.1%	655,013	4.6	48.8	3,487	451.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	51,000	3.0%	7.5%	152,351	3.7	15.3	3,324	200.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	59,800	5.1%	4.9%	112,736	1.9	9.7	6,148	1,082.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	33,150	3.3%	14.3%	75,327	1.7	17.1	1,937	388.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GEX	56,000	0.9%	6.7%	50,534	3.5	32.3	1,736	748.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GEE	128,000	0.8%	18.0%	46,848	6.9	23.8	5,389	87.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MSR	23,700	1.7%	7.2%	25,807	2.2	-33.2	-707	28.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBS	34,500	0.9%	5.5%	22,725	3.1	23.0	1,502	113.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HAG	16,900	3.7%	8.0%	21,419	2.2	13.1	1,290	327.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCH	22,900	3.4%	5.5%	19,893	2.2	20.5	1,119	454.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
EVF	14,200	6.8%	7.6%	10,800	1.1	13.6	1,044	413.5	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HHS	18,700	4.8%	9.4%	8,078	0.9	1.9	9,889	303.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DDV	32,100	1.6%	1.9%	4,649	2.4	13.2	2,413	18.1	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
AAA	8,380	2.2%	3.3%	3,300	0.6	11.7	717	10.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
BMI	22,350	-0.9%	3.5%	2,965	1.1	12.5	1,792	6.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LSG	30,700	-8.1%	13.3%	2,827	2.8	-103.3	-304	5.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DTD	22,000	0.0%	6.3%	1,467	1.2	6.5	3,383	9.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NRC	6,800	3.0%	13.3%	630	0.6	-5.0	-1,353	8.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ANT	29,600	5.7%	3.1%	600	1.8	6.1	4,772	5.6	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
TNI	6,420	7.0%	33.5%	337	0.7	-16.9	-379	8.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	55,600	-0.5%	-4.0%	199,371	3.1	20.2	2,751	58.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SGR	22,900	-4.0%	-12.9%	1,600	1.1	8.1	2,838	69.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	68,400	0.6%	-3.0%	208,264	5.6	35.8	1,913	5.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	93,400	0.4%	-6.1%	159,108	4.8	18.3	5,092	689.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	60,600	0.3%	-1.6%	146,225	2.2	12.1	5,002	12.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	27,850	0.5%	-2.6%	111,400	2.0	20.9	1,331	19.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	45,300	0.2%	-1.7%	58,100	2.7	14.2	3,185	14.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	34,150	-0.1%	-2.4%	43,391	1.7	20.6	1,661	23.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	92,200	0.4%	-4.9%	35,016	2.4	11.3	8,175	73.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	39,100	1.6%	-2.3%	14,838	2.6	9.8	3,977	32.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	55,500	0.5%	-3.1%	13,437	2.9	10.6	5,215	21.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	55,100	-1.1%	-5.8%	12,367	1.3	8.6	6,444	90.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
FTS	35,300	-1.8%	-4.5%	12,231	2.9	26.2	1,348	74.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	96,400	-1.8%	-4.1%	11,740	7.0	29.1	3,317	32.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTR	84,600	-1.3%	-3.0%	9,677	4.9	17.2	4,930	18.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
CSV	31,500	0.0%	-4.3%	3,481	2.3	14.5	2,174	8.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	29,650	0.3%	-2.5%	3,322	1.4	11.0	2,693	35.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPR	37,600	0.1%	-2.7%	3,267	1.3	12.8	2,932	8.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BCG	3,230	0.3%	-5.6%	2,843	0.3	6.1	532	8.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ELC	22,600	-1.3%	-4.0%	2,370	2.0	19.8	1,139	6.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PTB	47,500	-0.63%	-5.00%	71,000	49.5%	6,075	1.1	7.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	55,100	-1.08%	-5.76%	81,700	48.3%	6,444	1.3	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NLG	40,150	-0.12%	0.38%	58,600	46.0%	1,709	1.6	23.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
IDC	39,100	1.56%	-2.25%	56,100	43.5%	3,977	2.6	9.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	34,150	-0.15%	-2.43%	47,800	40.0%	1,661	1.7	20.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	33,700	-0.30%	-0.74%	47,100	39.8%	716	2.1	47.1	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
DGC	92,200	0.44%	-4.95%	126,000	36.7%	8,175	2.4	11.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	55,600	-0.54%	-3.97%	74,300	33.6%	2,751	3.1	20.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	55,500	0.54%	-3.14%	73,900	33.2%	5,215	2.9	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	126,300	-1.33%	-4.17%	165,300	30.9%	3,163	7.5	39.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	93,400	0.43%	-6.13%	121,200	29.8%	5,092	4.8	18.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	35,550	-0.70%	-2.34%	45,800	28.8%	2,940	1.3	12.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	45,300	0.22%	-1.74%	58,000	28.0%	3,185	2.7	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	36,600	-1.48%	-2.40%	46,600	27.3%	3,186	1.9	11.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PNJ	83,400	0.36%	-3.23%	105,900	27.0%	6,115	2.4	13.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	32,800	0.00%	-3.53%	41,600	26.8%	2,644	1.1	12.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
GAS	60,600	0.33%	-1.62%	76,100	25.6%	5,002	2.2	12.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	28,300	0.53%	-2.58%	35,300	24.7%	1,750	1.8	16.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TV2	35,200	2.03%	-1.81%	43,900	24.7%	1,065	1.9	33.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	20,850	0.72%	-10.90%	26,000	24.7%	350	1.7	59.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn